

TUẦN 7

BÁNH TRÔI NƯỚC

(Hồ Xuân Hương)

I. Đọc - hiểu chú thích

1. Tác giả

- Nữ sĩ Hồ Xuân Hương sống vào thế kỉ XVIII đầu XIX.
- Bà chúa thơ Nôm.

2. Tác phẩm

- In trong tập “Hợp tuyển thơ văn Việt Nam”
- Là bài thơ Nôm tiêu biểu cho tư tưởng, phong cách nghệ thuật độc đáo của nữ sĩ Xuân Hương.
- Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt Đường Luật.
- Đề tài: vịnh vật (cái bánh trôi nước) – nhỏ mọn, bình dị.
- Bố cục: 2 phần.
- + Hình ảnh, cái bánh trôi.
- + Vẻ đẹp, thân phận và nhân cách của người phụ nữ.
- PTBD: miêu tả, biểu cảm.

II. Đọc - hiểu văn bản

1. Hình ảnh cái bánh trôi.

- Miêu tả: Trắng, tròn
- Tính từ chỉ tính chất gợi sự trong sạch, hoàn hảo ở sự vật.
- Chìm – nổi.
 - Rắn – nát.
 - Tấm lòng son.
- > Từ ngữ đặc tả sinh động trạng thái đối lập
=> Hình ảnh cái bánh trắng tròn, thơm ngon, tinh khiết giống cái bánh ngoài đời.

2. Vẻ đẹp, thân phận và nhân cách của người phụ nữ.

- Thân em: Cách nói quen thuộc trong ca dao.
- => Lời xưng hô, giới thiệu dịu dàng, nữ tính.
- Vừa trắng ... vừa tròn.
- Lặp tăng tiến.
- => Tả thực cái bánh; ẩn dụ cho vẻ đẹp thể chất hoàn hảo, khoẻ mạnh, trong trắng của người phụ nữ.
- Bảy nổi ba chìm với nước non.
- + Thành ngữ, chơi chữ (nước non), đối lập (chìm-nổi), giọng oán trách xót xa
- + Thân phận long đong, phiêu dạt, trôi nổi, bấp bênh, cay cực xót xa của người phụ nữ.
- Rắn nát mặc dầu...
- + Giọng ngậm ngùi, cam chịu, hình ảnh ẩn dụ
- + Cuộc đời xô đẩy, không tự làm chủ, bị phụ thuộc.
- Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

+ Giọng rần rỏi, thái độ thách thức bất chấp vượt lên số phận cuộc đời để giữ vững phẩm giá cao đẹp.

=> Niềm tự hào về phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt Nam và thái độ cảm thông cho thân phận chìm nổi, bấp bênh, bị lệ thuộc của họ.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt thuần Nôm, đề tài bình dị, ngôn ngữ sắc sảo, bình dị, gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày, thành ngữ, mô típ dân gian.

- Hình ảnh ẩn dụ tượng trưng.

- Bài thơ đa nghĩa, độc đáo.

2. Nội dung, ý nghĩa

* Nội dung

- Vẻ đẹp, phẩm chất người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

- Thái độ cảm thông của tác giả.

* Ý nghĩa

"Bánh trôi nước" là một bài thơ thể hiện cảm hứng nhân đạo trong văn học viết Việt Nam dưới thời phong kiến, ngợi ca vẻ đẹp, phẩm chất của người phụ nữ, đồng thời thể hiện lòng cảm thông sâu sắc đối với thân phận nổi chìm của họ.

3. Ghi nhớ (SGK- 95)

IV. LUYỆN TẬP

Bài tập trắc nghiệm: Hãy khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời em cho là đúng.

Câu 1: Câu nào dưới đây thể hiện đúng đặc điểm bài thơ **Bánh trôi nước** của **Hồ Xuân Hương**?

A. Bài thơ được viết bằng chữ Nôm theo thể Đường luật thất ngôn tứ tuyệt.

B. Bài thơ được viết bằng chữ Hán theo thể Đường luật thất ngôn bát cú.

C. Bài thơ được viết bằng chữ Quốc ngữ theo thể Đường luật thất ngôn tứ tuyệt.

D. Bài thơ được viết bằng chữ Nôm theo thể Đường luật ngũ ngôn tứ tuyệt.

Câu 2. Qua hình ảnh chiếc bánh trôi nước, **Hồ Xuân Hương** muốn nói gì về người phụ nữ?

A. Vẻ đẹp và số phận long đong.

B. Số phận bất hạnh.

C. Vẻ đẹp hình thể.

D. Vẻ đẹp tâm hồn.

Câu 3. Nhận xét nào đúng khi nói về những đặc sắc trong nội dung và nghệ thuật của bài thơ **Bánh trôi nước**?

A. Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp hình thức của chiếc bánh trôi và vẻ đẹp bên ngoài của người phụ nữ.

B. Bài thơ vừa tả thực về chiếc bánh trôi, vừa thể hiện vẻ đẹp hình thức và tấm lòng nhân hậu cao đẹp của người phụ nữ, vừa cảm thông cho thân phận chìm nổi của họ.

C. Bài thơ đã thể hiện sâu sắc vẻ đẹp hình thức và tấm lòng nhân hậu, son sắt, thủy chung của người phụ nữ.

D. Bài thơ đã miêu tả sinh động hình ảnh chiếc bánh trôi, một món ăn độc đáo của dân tộc.

Câu 4: Nghĩa thứ hai trong bài thơ Bánh trôi nước của tác giả Hồ Xuân Hương là gì?

A. Diễn tả lại các công đoạn làm ra chiếc bánh trôi nước và các nguyên liệu làm nên chiếc bánh.

B. Phản ánh thái độ của người thưởng thức về hương vị của chiếc bánh trôi nước.

C. Phản ánh phẩm chất, vẻ đẹp và thân phận của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

D. Thể hiện niềm thương cảm của tác giả đối với số phận của những chiếc bánh trôi

Câu 5 Trong nghĩa thứ nhất của bài thơ Bánh trôi nước, chiếc bánh trôi nước được miêu tả như thế nào?

A. Chiếc bánh được làm từ bột gạo, có hình ống với nhiều màu sắc khác nhau.

B. Chiếc bánh được làm từ bột nếp, nhào nặn thành viên tròn, màu trắng, bên trong chứa nhân, khi cho vào nước thì vừa chìm vừa nổi.

C. Chiếc bánh có hình vuông, màu trắng và bên trong chứa nhân, khi cho vào nước thì vừa chìm vừa nổi.

D. Chiếc bánh được nhào nặn, bên trong chứa nhân, bánh có màu đỏ và nổi trên mặt nước khi luộc

Tiếng việt QUAN HỆ TỪ

I. Thế nào là quan hệ từ

1. Phân tích ngữ liệu

a. Của: liên kết những từ ngữ “chúng tôi cũng chẳng có nhiều” với “đồ chơi”: nối định ngữ với trung tâm.

-> Chỉ quan hệ sở hữu.

b. “Như”: nối bổ ngữ với trung tâm

-> Chỉ quan hệ so sánh.

c. Bởi ... nên: nối hai vế của câu ghép chính phụ.

-> Chỉ quan hệ nguyên nhân kết quả.

d. Nhưng: nối 2 câu

-> Quan hệ tương phản.

=> Các quan hệ từ: của, như, ... dùng để liên kết từ ngữ, cụm từ, vế câu, câu với câu.

- Được dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ sở hữu, so sánh, nhân quả, tương phản

2. Ghi nhớ 1: sgk

II. Sử dụng quan hệ từ

1. Phân tích ngữ liệu

(SGK-97)

- Câu bắt buộc phải có qua hệ từ: b, d, g, h.

- Câu không bắt buộc: a, c, e, i.

□ Các câu b, d, g, h phải có quan hệ từ vì nếu không có quan hệ từ thì câu văn sẽ đổi nghĩa hoặc không rõ nghĩa.

- Các câu a, c, e, i không bắt buộc phải có quan hệ từ vì nghĩa của câu không đổi.

- Cặp quan hệ từ tương ứng: nếu...thì, vì ... nên, tuy... nhưng, hễ ...thì, sở dĩ... là vì.

-> Quan hệ từ nếu... thì, tuy ... nhưng, vì nên được dùng thành cặp.

2. Ghi nhớ 2: (sgk).

III. Luyện tập

Bài tập 1

Của, như, với, mà, nhưng, còn.

Bài tập 2

với, và, với, với, nếu thì, và.

Bài tập 3

- Câu đúng: b, d, g, i, k, l.

- Câu sai: a, c, e, h.

Bài tập 4

Viết đoạn văn ngắn.

Tôi và Lan cùng học một lớp. Tuy chúng tôi cùng tuổi nhưng Lan lớn hơn tôi hẳn một cái đầu ...

Bài tập 5

Nội dung giống nhau nhưng sắc thái biểu cảm khác nhau: a tỏ ý khen, b tỏ ý chê.